

Số: 550/QĐ-ĐVTD

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 6 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC BAN HÀNH Quy định đào tạo đại học hệ VLVH**  
**theo hệ thống tín chỉ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**THANH HÓA**

Căn cứ quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số Số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo VLVH trình độ đại học;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên và liên kết;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo đại học hệ VLVH theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, bắt đầu từ năm học 2017 – 2018.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Giám đốc Trung tâm giáo dục thường xuyên và liên kết, Trưởng phòng Thanh tra, Trưởng phòng KT&Đảm bảo CLGD, Trưởng các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDTX&LK.



## QUY CHẾ

### Đào tạo đại học hình thức VLVH theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 550/QĐ-ĐVTDT ngày 28 tháng 6 năm 2017 của  
Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học (VLVH) theo hệ thống tín chỉ bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

#### Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo VLVH có nội dung như chương trình đào tạo của ngành tương ứng theo hình thức đào tạo chính quy.

2. Chương trình đào tạo hình thức VLVH là các chương trình theo hệ thống tín chỉ hệ chính quy đã được Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa phê duyệt.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình:

- Đối với trình độ đại học 4 năm, cộng thêm 4 học kỳ.
- Đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học 2 năm, cộng thêm 2 học kỳ.
- Đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học 3 năm, cộng thêm 4 học kỳ

Trường hợp đặc biệt, sinh viên phải nghỉ học có thời hạn với các lý do ốm đau, thực hiện nghĩa vụ quân sự, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn,... Hiệu trưởng xem xét cụ thể cho kéo dài thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đào tạo của ngành sinh viên học. Thời gian được phép tạm dừng học và thời gian học ở trường khác khi chuyển về Trường (nếu có) đều được tính vào thời gian tối đa của khoá đào tạo.

#### Điều 3. Học phần, Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn các học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ và được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần đều có mã số riêng.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy. *h*

b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của nhà Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình.

c. Hoạt động học tập giảng dạy của mỗi học phần bao gồm một hay kết hợp một số trong các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết;
- Hướng dẫn thảo luận, thực hành, bài tập;
- Hướng dẫn thực tập, thực tập tốt nghiệp;
- Hướng dẫn đồ án, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp ...

Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: giới thiệu tóm tắt học phần, các học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần học trước, cách đánh giá học phần, nội dung chính các chương mục, các giáo trình, tài liệu tham khảo và lịch trình giảng dạy ... Đề cương chi tiết được Hiệu trưởng phê duyệt, công bố cùng chương trình và được giảng viên giới thiệu cho sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

#### **+ Học phần tương đương và học phần thay thế**

Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong chương trình của ngành đào tạo.

Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy.

Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế là các phần bổ sung cho chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện. Học phần tương đương hoặc thay thế được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.

#### **+ Học phần tiên quyết**

Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

#### **+ Học phần học trước**

Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.

#### **+ Học phần song hành**


Các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với học phần A.

#### **+ Học phần đặc biệt**

Học phần đặc biệt bao gồm các chuyên đề thực tế và các học phần bổ sung hàng năm do Hiệu trưởng qui định.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 60 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, thảo luận để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ tự học của cá nhân.

4. Một tiết học được tính là 50 phút. 

#### **Điều 4. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký và được phép học trong mỗi học kỳ gọi là khối lượng kiến thức học tập học kỳ của sinh viên.
2. Điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK) là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký và được phép học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần sinh viên đã học và được đánh giá đạt tính từ đầu khóa học tới thời điểm xem xét.
4. Điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL) là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được tính từ đầu khóa học đến thời điểm xem xét.

### **Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 5. Tổ chức và quản lý đào tạo**

1. Đào tạo VLVH được tổ chức và quản lý theo tín chỉ.
2. Người học VLVH có thể học và thi để tích lũy một số tín chỉ cùng với hệ đào tạo chính quy, thời gian học có thể linh hoạt hơn so với hệ chính quy.
3. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ, thực hiện quy định và chương trình đào tạo VLVH đã ban hành.
4. Đầu khóa học, nhà Trường thông báo cho người học về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; các quy định khác của cơ sở đào tạo có liên quan đến khóa học.

#### **Điều 6. Tuyển sinh và đăng ký nhập học**

1. Hàng năm Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa tuyển sinh vào hệ đại học hình thức VLVH qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ GD&ĐT qui định. Thí sinh trúng tuyển phải làm các thủ tục nhập học theo Quy chế tuyển sinh.
2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Công tác chính trị Học sinh - Sinh viên trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường.
3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trước ngày khai giảng khóa học. Trong vòng 15 ngày đầu của học kỳ đầu tiên hồ sơ nhập học vẫn được tiếp tục nhận nhưng sau thời gian quy định trên, sinh viên coi như bỏ học.
4. Sinh viên nhập học phải được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên thông qua Sổ tay sinh viên và website của trường.

#### **Điều 7. Tổ chức lớp học**

1. Lớp sinh viên  
Lớp sinh viên được tổ chức theo nguyên tắc quản lý sinh viên toàn diện gắn với tổ chức quản lý của đơn vị liên kết đào tạo được phân công quản lý lớp. Mỗi lớp sinh viên có một mã số riêng.
2. Lớp học phần *ky*

Lớp học phân được tổ chức theo từng học phần dựa vào kế hoạch tổ chức lớp và kết quả đăng ký học tập của sinh viên. Quy mô của lớp học phân trong mỗi học kỳ do Hiệu trưởng quyết định, cụ thể như sau:

- Đối với các môn lý thuyết: Dưới 60SV/lớp hệ số 1; từ 60 đến dưới 80SV/lớp hệ số 1,1; từ 80SV/lớp trở lên hệ số 1,2

- Đối với các môn thực hành mỹ thuật, thiết kế thời trang, hội họa, đồ họa, tin học, kỹ xướng âm, múa và các môn nghiệp vụ du lịch: Dưới 30SV/lớp hệ số 1; từ 30 đến dưới 40SV/lớp hệ số 1,1; từ 40 đến 50SV/lớp trở lên hệ số 1,2 ; từ 50 đến dưới 60SV/lớp hệ số 1,3.

- Đối với các môn thực hành Thanh nhạc, nhạc cụ sư phạm: 4 SV/nhóm/tiết (hệ số 1). Với lớp ngoài trường là 8-10 sinh viên/lớp.

- Đối với các môn thực hành Thanh nhạc, nhạc cụ chuyên ngành: 1 đến 2 SV/nhóm/tiết (hệ số 1)

- Môn tiếng Anh và môn Giáo dục thể chất cho các lớp không chuyên: 40SV/lớp hệ số 1; từ 40 đến 50SV/lớp hệ số 1,1; từ 50 đến 80SV/lớp hệ số 1,2.

- Môn tiếng Anh, và tiếng Việt cho lưu HS và các môn Thể dục thể thao cho các lớp chuyên ngành: 30SV/lớp hệ số 1; từ 30 đến 50SV/lớp hệ số 1,2. Trên 50SV/Lớp hệ số 1,3.

- Đối với các học phần thực hành nghệ thuật của ngành Giáo dục Mầm non lớp dưới 25SV tính hệ số 1, trên 25SV tính hệ số 1,1.

Đối với các học phần có nhiều thành phần, nhà trường có thể tổ chức giảng dạy các thành phần riêng rẽ (LT, TH,...) hoặc kết hợp (LT/TH,...) tùy theo đặc thù của học phần và số sinh viên dự báo tham dự. Các lớp học có thể ghép chung thành một giảng đường (thông thường là giờ học lý thuyết), do một giảng viên chịu trách nhiệm giảng dạy chính.

#### **Điều 8. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

<b>Năm thứ</b>	<b>Đại học</b>
Sinh viên năm thứ nhất	dưới 35 tín chỉ (TC);
Sinh viên năm thứ hai	từ 35 TC đến dưới 70 TC;
Sinh viên năm thứ ba	từ 70 TC đến dưới 105 TC;
Sinh viên năm thứ tư	từ 105 TC đến 126 TC;

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm TBC tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:


a) Hạng bình thường: Nếu điểm TBC tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm TBC tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

#### **Điều 9. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách) qua phòng Công tác Chính trị Học sinh, sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang; 

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài (Cần có giấy giấy xác nhận của cơ quan y tế từ tuyến huyện và tương đương trở lên kèm theo hồ sơ bệnh án);

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 10 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới .

3. Nhà trường ra quyết định cho thôi học đối với những sinh viên có đơn và lý do rõ ràng, hợp lệ và thực hiện theo trình tự từ lớp - Cố vấn học tập – Khoa đào tạo – Phòng Công tác Chính trị HSSV.

### **Điều 10. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa vào một trong các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khoá học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Ba lần cảnh báo kết quả học tập liên tiếp;

b) Quá bốn lần cảnh báo kết quả học tập trong khoá học;

c) Đã hết thời gian tối đa được phép học (kể cả thời gian kéo dài theo qui định) mà chưa hội đủ điều kiện để tốt nghiệp hoặc với thời gian còn lại tính đến khi hết thời gian tối đa cho phép học, sinh viên không còn khả năng hoàn thành chương trình học;

d) Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

e) Không hoàn thành nghĩa vụ học phí theo đúng qui định của trường;

f) Không đăng ký học tập, tự ý bỏ học không có lý do (một học kỳ);

g) Không đạt yêu cầu về điểm đánh giá rèn luyện theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Nhà trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b và c

khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 11. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:
  - a. Trong thời gian học tập nếu bản thân chuyển địa điểm làm việc hoặc có hoàn cảnh khó khăn cần thiết phải chuyển trường để có điều kiện học tập;
  - b. Trường xin chuyển đến và trường xin chuyển đi trong cùng một nhóm ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
  - c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.
  - d. Sinh viên đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa có quyền được học tập tại các địa điểm khác nhau nếu thỏa mãn các yêu cầu nêu trong mục a và b của khoản 1 của điều này.
2. Thủ tục chuyển trường
  - a. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu qui định thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  - b. Trên cơ sở so sánh chương trình đào tạo ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến, Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quy định năm học và số học phần mà sinh viên phải học bổ sung.
3. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:
  - a. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá;
  - b. Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
  - c. Sinh viên ở ngoài vùng tuyển quy định của trường.

## **Chương III**

### **KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN**

#### **Điều 12. Đánh giá kết quả học tập**

1. Nguyên tắc đánh giá: Kết quả học tập mỗi học phần của sinh viên được đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra của mỗi học phần và ngành đào tạo.
2. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí:
  - a) Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ.
  - b) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình chung của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó tính theo thang điểm 4, với trọng số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
  - c) Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ đạt từ điểm D trở lên tính từ đầu khóa học.
  - d) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình chung tính theo thang điểm 4 của các học phần, được đánh giá bằng các điểm chữ đạt từ điểm D trở lên mà sinh viên đã học, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét.
3. Điểm đánh giá học phần:
  - a) Điểm đánh giá học phần được tổ chức từ các điểm đánh giá bộ phận gồm: Điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ.
    - **Điểm đánh giá quá trình (trọng số 30%)**, trong đó gồm: *ht*

- + Điểm đánh ý thức, chuyên cần học tập, chiếm trọng số 10%;
- + Điểm đánh giá giữa học phần (giữa kỳ), chiếm trọng số 20%;
- **Điểm đánh giá cuối kỳ (trọng số 70%).**

b) Quy định cụ thể cho các điểm thành phần như sau:

b1) Đánh giá ý thức học tập của sinh viên bao gồm: có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...)

Sinh viên phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

b2) Điểm đánh giá giữa học phần:

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết  $\geq 3$ : 1 lần kiểm tra

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết  $\geq 4$ : 2 lần kiểm tra (Điểm đánh giá giữa kỳ là trung bình cộng 2 lần kiểm tra).

Điểm giữa kỳ GV phải nộp về cho giáo vụ khoa và nộp về TT. GDTX&LK ngày sau khi kết thúc thi giữa HP 1 tuần.

b3) Điểm đánh giá cuối kỳ:

- Học phần chỉ có lý thuyết: Điểm đánh giá cuối kỳ là điểm của bài thi học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường và được thực hiện theo các hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn (*Hình thức đánh giá do Bộ môn quy định, ghi rõ trong Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt*).

- Học phần chỉ có thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, đây chính là điểm của học phần thực hành.

- Học phần có cả lý thuyết và thực hành (tức là có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành): Nếu số lượng loại tín chỉ nào nhiều hơn thì sẽ thi kết thúc học phần theo loại tín chỉ đó; nếu tỷ lệ tín chỉ thực hành và lý thuyết bằng nhau thì sẽ thi theo hình thức thực hành.

Tất cả các điểm bộ phận đều cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Giảng viên trực tiếp chấm điểm chuyên cần và thái độ học tập, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm các bài thực hành và phải thông báo công khai cho sinh viên trước khi nộp điểm về phòng QLĐT.

4. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

5. Việc đánh giá bộ phận phải được giảng viên tiến hành rải đều trong cả học kỳ, được qui định trong đề cương chi tiết học phần. Chậm nhất là sau 2 tuần, kể từ khi thu bài kiểm tra, đánh giá bộ phận, giảng viên phải trả bài và công bố kết quả đánh giá cho sinh viên.

6. Đối với các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng được tổ chức giảng dạy, đánh giá và cấp chứng chỉ theo quy định.





### **Điều 13. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Sinh viên phải đủ các điều kiện sau đây mới được dự thi kết thúc học phần:

a) Dự đủ 80% số giờ trên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,...).

b) Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo quy định trong đề cương chi tiết học phần (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, tiểu luận,...).

c) Không vi phạm kỷ luật trong học tập, nội quy học đường từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Sau buổi học cuối cùng của mỗi học phần, giảng viên lập danh sách xét điều kiện dự thi kết thúc học phần, trình Trưởng Bộ môn và Trưởng khoa phê duyệt và công bố cho sinh viên. Sinh viên không đủ điều kiện thi kết thúc học phần nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần và giảng viên phải ghi chú trong bảng điểm. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi học phần phải đăng ký học lại học phần đó.

3. Cuối mỗi học kỳ, nhà trường chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Tùy theo điều kiện từng năm, có thể tổ chức thêm một kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính sau khi đã học lại và được tổ chức sớm nhất là 02 tuần sau kỳ thi chính. Sinh viên dự thi kỳ thi phụ phải tự túc kinh phí.


4. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách) quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

5. Lưu trữ bài thi: Bài thi viết, bài tập tiểu luận, đồ án... được lưu trữ tại phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD ít nhất là 3 năm kể từ ngày thi hoặc ngày nộp bài thi viết, bài tập tiểu luận, đồ án... Việc bảo quản và hủy bài thi được thực hiện theo Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

### **Điều 14. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Đối với những học phần chưa có ngân hàng đề thi, Trưởng bộ môn phân công người ra đề theo số lượng đề thi/học phần đã được quy định và chịu trách nhiệm duyệt đề. Trưởng bộ môn cùng người ra đề chịu trách nhiệm cá nhân về hình thức, nội dung và bảo mật đề thi. Đối với những học phần sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, Trưởng bộ môn duyệt ngân hàng câu hỏi thi và chịu trách nhiệm cá nhân về hình thức, nội dung và bảo mật đề thi theo qui định.

2. Hình thức thi kết thúc học phần đối với các HP lý thuyết có thể là thi viết (tự luận), vấn đáp. Hình thức thi được quy định trong đề cương chi tiết học phần và được Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo) duyệt. Đối với các HP thực hành thi tổ chức thi theo hình thức thực hành tại lớp hoặc nhà biểu diễn (tùy theo chuyên ngành đào tạo)

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Trong trường hợp hai giảng viên không thống nhất điểm thì trình Trưởng bộ môn quyết định. Chấm thi theo hình thức tập chung và chấm chéo lẫn nhau. 

4. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về phòng Đào tạo của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần,

5. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần nào, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 cho học phần đó. Những sinh viên này khi được trường khoa cho phép (sau khi đã báo cáo với Hiệu trưởng) được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Hiệu trưởng, trường khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có) và được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ, sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở học kỳ tiếp theo sau (sinh viên phải làm đơn).

7. Trường hợp, nếu sinh viên có bài thi kết thúc học phần bị điểm từ 2.0 trở xuống thì phải đăng ký học lại theo quy định tại Điều 16; nếu bài thi kết thúc học phần có điểm từ 2.5 đến dưới 4.0 và điểm tổng kết là điểm F thì được phép thi lại 01 lần, Nhà trường lấy điểm thi lần 2 làm điểm tổng kết, trường hợp điểm tổng kết vẫn là điểm F thì sinh viên phải đăng ký học lại theo quy định.

Để được thi lại, sinh viên phải làm đơn và đóng lệ phí theo quy định.

#### **Điều 15. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Điểm học phần được công bố và ghi nhận theo hệ điểm chữ A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D và F. Học phần được gọi là tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên. Các điểm chữ sẽ được quy đổi sang điểm số (thang điểm 4) để tính điểm TBC học kỳ, điểm TBC năm học và điểm TBC tích lũy. Cách quy đổi được thực hiện theo bảng dưới đây:

<b>Điểm số (theo thang điểm 10)</b>	<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm số (theo thang điểm 4)</b>
8,5-10,0	A	4,0
7,8-8,4	B <sup>+</sup>	3,5
7,0-7,7	B	2,8
6,2-6,9	C <sup>+</sup>	2,5
5,5-6,1	C	2,0
4,8-5,4	D <sup>+</sup>	1,5
4,0-4,7	D	1,0
dưới 4,0	F	0,0

b) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau: *hg*

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

c) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B<sup>+</sup>, B, C<sup>+</sup>, C, D<sup>+</sup>, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm Quy chế thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trường khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

#### **Điều 16. Khiếu nại điểm và sửa điểm.**

1. Đối với điểm đánh giá bộ phận (trừ điểm thi kết thúc học phần), sinh viên có thể khiếu nại (bằng văn bản) với khoa (qua giáo vụ khoa), sau khi công bố điểm. Trường các khoa chủ trì tổ chức xem xét, giải quyết khiếu nại của sinh viên và có biên bản cụ thể.

2. Khi phát hiện thấy bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng điểm đã công bố và điểm trên trang Website của Nhà trường, giảng viên và sinh viên có trách nhiệm báo cáo đề nghị TT.GDĐT&LK kiểm tra lại. Sinh viên có thể khiếu nại về điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm học phần bằng văn bản, trong vòng 7 ngày kể từ khi công bố điểm thi. Phòng Khảo thí – Đảm bảo CLGD chủ trì phối hợp với TT.GDĐT&LK và các khoa/bộ môn giải quyết khiếu nại cho sinh viên về điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần, chậm nhất 15 ngày, kể từ khi công bố điểm. *Mt*



3. Nếu có yêu cầu sửa điểm từ giải quyết khiếu nại của sinh viên và đề nghị của giảng viên, khoa/bộ môn lập và gửi danh sách yêu cầu sửa điểm (theo mẫu) về TT.GDTEX&LK, ghi rõ lý do, trách nhiệm cá nhân. Sau thời hạn này, mọi yêu cầu đều không được chấp nhận. Phó Hiệu trưởng phụ trách chỉ ký xác nhận thay đổi điểm (nếu có) sau khi TT.GDTEX&LK đã làm rõ nguyên nhân và đủ hồ sơ cần thiết.

#### **Điều 17. Thi lại, học lại**

1) Học lại: Sinh viên bị điểm F, hoặc thi hết học phần điểm từ 2.0 trở xuống phải học lại vào kỳ phụ do phòng Khảo thí và ĐBCLGD tổ chức. Sinh viên học tối thiểu 80% khối lượng kiến thức của mỗi học phần.

2) Thi lại: Sinh viên có điểm tổng kết học phần điểm F nhưng điểm thi hết học phần từ 2.5 đến dưới 4.0 thì được thi lại 01 lần. Nếu thi lại không đạt thì phải học lại.

#### **Điều 18. Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4,0;

B<sup>+</sup> tương ứng với 3,5;

B tương ứng với 3,0;

C<sup>+</sup> tương ứng với 2,5;

C tương ứng với 2,0;

D<sup>+</sup> tương ứng với 1,5;

D tương ứng với 1,0;

F tương ứng với 0,0.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$  là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi. *Ng*

## Chương IV

### XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP.

#### Điều 19. Thực tập cuối khoá, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Thực tập cuối khoá áp dụng cho các ngành đào tạo, có khối lượng không quá 8 tín chỉ. Quy định thực tập cuối khoá như sau:

a) Thực tập cuối khoá được thực hiện vào kỳ học cuối cùng của khoá học.

b) Nội dung thực tập, địa điểm thực tập phải được Khoa, Bộ môn hướng dẫn cho sinh viên từ đầu khoá học.

c) Khoa lập danh sách gửi TT.GDTEX&LK ra quyết định chính thức.

d) Điểm đánh giá thực tập do cơ sở tiếp nhận thực tập đánh giá.

2. Đồ án tốt nghiệp được áp dụng cho các ngành đào tạo nghệ thuật, năng khiếu.

(Thời trang, Đồ hoạ). Quy định báo cáo tốt nghiệp như sau:

a) Là học phần có khối lượng không quá 8 tín chỉ cho trình độ đại học và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng.

b) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm báo cáo tốt nghiệp:

- Giảng viên được phân công hướng dẫn có nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên làm đề cương, duyệt đề cương, hướng dẫn sinh viên thực hiện.

- Các bộ môn có trách nhiệm thông qua đề cương chi tiết báo cáo tốt nghiệp của sinh viên; giới thiệu giảng viên chấm báo cáo tốt nghiệp để Hiệu trưởng quyết định.

#### Điều 20. Chấm báo cáo tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo quyết định danh sách giảng viên chấm báo cáo tốt nghiệp. Việc chấm mỗi báo cáo tốt nghiệp phải do 2 giảng viên có chuyên môn trùng hoặc gần đảm nhiệm. Điểm của báo cáo tốt nghiệp là trung bình cộng kết quả điểm chấm của: người hướng dẫn, người chấm 1 và người chấm 2.

2. Điểm của báo cáo tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 và quy về điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 26 của Quy định này. Kết quả chấm báo cáo tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp báo cáo tốt nghiệp.

Điểm báo cáo tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có bài báo cáo tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại bài báo cáo tốt nghiệp.

#### Điều 21. Thực tập cuối khoá và điều kiện xét tốt nghiệp của ngành đào tạo đặc thù

Đối với ngành đào tạo Thể dục- Thể thao, Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo) quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khoá; hình thức chấm báo cáo tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của trường.

#### Điều 22. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được Trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; *hạ*

b) Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo của từng ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);

d) Đạt chuẩn đầu ra của ngành đào tạo đã công bố;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng- an ninh và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.

e. Hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định.

2. Vào trung tuần tháng 6 và tháng 12 hàng năm, căn cứ vào đơn xin xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên, căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này, nhà trường thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng đào tạo xét công nhận tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, Phó Hiệu trưởng phụ trách làm Phó chủ tịch, Giám đốc TT.GDTC&LK làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa đào tạo, trưởng phòng Thanh tra, Trưởng phòng Khảo thí- ĐBCL, trưởng phòng KHTC, trưởng phòng Công tác chính trị Học sinh- Sinh viên làm uỷ viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, TT.GDTC&LK trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

**Điều 23. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 đến 2,49;

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:


a) Có số tín chỉ của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 23 của Quy định này đối với một số CTĐT tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó, nhưng phải có đơn.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ GDQP và GDTC, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Quy định này. 

## Chương V

### XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 24. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm,

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này, tùy mức độ sai phạm mà khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ coi thi vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

**Điều 25. Điều khoản thi hành**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho các khoá đào tạo đại học theo hình thức VLVH theo Hệ thống tín chỉ của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế do Hiệu trưởng quyết định./.

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

